

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4, TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/DS-ST

Ngày: 18-05-2026

*“V/v Tranh chấp Hợp đồng phát hành
và sử dụng thẻ tín dụng”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Ngọc Thanh**

Ông **Nguyễn Phạm Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Hùng Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về “V/v Tranh chấp Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H1); địa chỉ: số B N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T
- Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết A - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh (Theo Giấy ủy quyền số 1665/2024/QĐ-TGD ngày 23/05/2024). Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Huy B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A L, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền số 22/2025/UQ-HDB ngày 26/3/2025). Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: B V, phường L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/03/2025 và các bản tự khai ngày 04/02/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:*

- Thông tin dư nợ: Trước đây, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (H2) đã cho Bà Ngô Thị T1 vay vốn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L211012111617103 ngày 15/10/2021 chi tiết như sau:

+ Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

+ Thời hạn vay: 36 tháng, từ ngày 15/10/2021-15/10/2024

+ Mục đích sử dụng vốn: Cho vay Tiêu dùng

+ Phương thức trả nợ: Theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Kỳ sao kê dư nợ thẻ là ngày 15 hàng tháng và kỳ hạn cuối cùng thanh toán là + (cộng) 25 ngày kể từ ngày sao kê.

+ Lãi suất thẻ: Lãi suất thẻ căn cứ theo Quyết định 939/2023/QĐ-TGD v/v Ban hành lãi suất thẻ tín dụng H2 ngày 12/04/2023. Cụ thể lãi suất áp dụng cho thẻ Visa Vietjet Platinum là 29%/năm.

+ Phương pháp tính lãi áp dụng tại Điều 8- Lãi suất và phương pháp tính lãi của Công văn 981/2025/QĐ-TGD v/v Quy định sản phẩm thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/03/2025

+ Lãi quá hạn (phí phạt): Áp dụng theo Quyết định 1969/2025/QĐ-TGD v/v Ban hành biểu phí dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân;

- Dư nợ của thẻ tín dụng tính đến ngày Tạm tính đến ngày 04/02/2026, Bà Ngô Thị T1 còn nợ tổng số tiền: 55,923,390 đồng bao gồm:

+ Số tiền gốc: 19,843,106 đồng

+ Số tiền lãi trong hạn: 30, 845,390 đồng

+ Số tiền lãi quá hạn: 5,243,894 đồng

Nay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề sau đối với bà Ngô Thị T1:- Buộc Bà Ngô Thị T1 phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP P theo các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và Đề nghị kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, với tổng số tiền tính đến 04/02/2026 là: 55,932,390 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu trăm ba mươi hai ngàn ba trăm chín mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc 19,843,106 đồng; Lãi trong hạn 30,845,390 đồng; Lãi quá hạn, phí 5,243,894 đồng.- Buộc Bà Ngô Thị T1 phải tiếp

tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy Đề nghị kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết với H2 kể từ ngày 04/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà T1 vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, căn cứ Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 466 BLDS, buộc bà Ngô Thị T1 thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền tính đến ngày 04/02/2026 là: **55,932,390** đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm chín mươi đồng); Trong đó: Nợ gốc 19,843,106 đồng; Lãi trong hạn 30,845,390 đồng; Lãi quá hạn, phí 5,243,894 đồng và tiếp tục trả lãi, phí cho đến khi hết số nợ trên theo hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: B V, phường L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện đối với bà Ngô Thị T1 về việc yêu cầu bà T1 trả số tiền vay. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” khoản 15 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2025.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Ngô Thị T1 nhưng bà T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L211012111617103 ngày 15/10/2021 của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H2) đã cho Bà Ngô Thị T1 là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các Điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự 2015; nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên là hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là thẻ tín dụng ngân hàng, thanh toán không thông qua tiền mặt, Ngân hàng cấp cho ông T1 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 29%/năm; Lãi quá hạn (phí phạt): Áp dụng theo Quyết định 1969/2025/QĐ-TGD v/v Ban hành biểu phí dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân;

Trong quá trình vay ông B1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 544,510,000 đồng. Bà Ngô Thị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền: 456,134,278 đồng. Trong đó, phí: 1,499,000 đồng, phí trễ hạn: 413,920 đồng, lãi phát sinh: 9,711,358 đồng và thanh toán gốc: 444,510,000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

- Đến ngày 30/6/2025 Bà Ngô Thị T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 04/02/2026, Bà Ngô Thị T1 số tiền tính đến 04/02/2026 là: 55,932,390 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu trăm ba mươi hai ngàn ba trăm chín mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc 19,843,106 đồng; Lãi trong hạn 30,845,390 đồng; Lãi quá hạn, phí 5,243,894 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi tất toán khoản vay trên. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn bà Ngô Thị T1 trả số nợ nói trên là có căn cứ.

[3] Đối với lời đề nghị của VKS: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn; xét thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 2.796.620 đồng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố

tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

-Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

15 Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Phát triển Thành phố H đối với **Ngô Thị T1** về “*Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*”.

Buộc **Ngô Thị T1** thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại Phát triển Thành phố H tính đến ngày 04/02/2026 là: 55,932,390 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm chín mươi đồng); Trong đó: Nợ gốc 19,843,106 đồng; Lãi trong hạn 30,845,390 đồng; Lãi quá hạn, phí 5,243,894 đồng và tiếp tục trả lãi, phí tiếp theo kể từ ngày 05/2/2026 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số L211012111617103 ngày 15/10/2021 cho đến khi trả hết số nợ trên.

Trường hợp, trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.796.620 đồng(hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi đồng) bà **Ngô Thị T1** phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.185.000 đồng (*Một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng y*) theo biên lai thu số 0006592 ngày 04/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4;*
- *THADS Đà Nẵng – Khu vực 4;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Nguyễn Đức Hoàng